

Bản án số:117/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2019

V/v Ly hôn, con chung
giữa chị T, anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 15-3-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 17, xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 17, xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị T, anh L vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29-11-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh L được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau, anh L còn thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè không chịu làm ăn nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xích mích đánh chửi nhau. Tháng 02-2019, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải Thanh sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01-7-2014, hiện đang do chị T nuôi dưỡng, nên khi ly hôn nguyện vọng của chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18-3-2019, quá trình hòa giải tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Thành L có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do anh hay uống rượu say và không làm chủ được bản thân nên có đánh chị T mấy lần. Tháng 02 năm 2019 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải Thanh sinh sống. Anh L cũng nhận thấy những việc làm của mình đối với chị T là sai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh L không nhất trí, anh mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu chị T quyết tâm xin ly hôn, anh L xin được nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung. Anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, đề anh L tham gia phiên tòa, nhưng anh L không đến tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tranh tụng của mình. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Thành L. Về con chung, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T; chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh L không có mặt và cũng không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29-11-2012. Do trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 02-2019, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị T đề nghị xin được ly hôn anh L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L xuất phát từ tính tình, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau đến nay chị T và anh L đã sống ly thân, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01-7-2014, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T, anh L xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T thì thấy: Cháu Nguyễn Ngọc H hiện đang do chị T nuôi dưỡng, chị T hiện đang là giáo viên mầm non xã Hải T với mức thu nhập ổn định. Trong khi anh L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu H nên tiếp tục giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh L được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh L thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01-7-2014 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đến cháu H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000345 ngày 18-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải T: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái